TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2467/2021/LĐ – ST.
Ngày: 16/12/2021.
V/v: "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt HĐLĐ, tranh chấp tiền lương".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vi Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bé – Cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 9 (hưu trí).

2. Ông Trần Đăng Vạn (hưu trí).

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Xuân Thu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:*

Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 và ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLST-LĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5148/2021/QĐXXST – LĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 5759/2021/QĐST ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Mạnh T – sinh năm: 1981.
Địa chỉ: xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng T – sinh năm: 1982 hoặc bà Trương Thị Thanh – sinh năm: 1996.
Cùng địa chỉ: Tầng M N, Phường H, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền ngày 29/9/2020).

2. Bị đơn: Công ty CPXDCTAGP.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 33, xóm F, xã D, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: số 31, đường J, khu phố I, phường H, thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Tuấn N – sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Đức Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

(Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/10/2020 của nguyên đơn ông Vũ Mạnh T trình bày:

Ngày 02/5/2019, ông T với Công ty CPXDCTAGP – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ký kết Hợp đồng lao động số HDLD7/2019 với nội dung thỏa thuận:

- Loại hợp đồng lao động: Có thời hạn 03 năm kể từ ngày 02/5/2019.
- Chức vụ: Trợ lý giúp việc kiêm lái xe cho giám đốc.
- Tổng mức lương: 15.000.000 đồng/tháng.
- Nơi làm việc: Công ty CPXDCTAGP – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời hạn trả lương: Ngày 05 hàng tháng.

Theo hợp đồng lao động đã ký, ông T bắt đầu vào làm việc tại Công ty CPXDCTAGP – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 02/5/2019. Kể từ khi làm việc đến khi nhận được Quyết định số 111/2019/QĐ-AGP ngày 12/9/2019 của Công ty CPXDCTAGP – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho ông T thôi việc kể từ ngày 15/9/2019, Công ty vẫn chưa thanh toán đủ tiền lương cho ông T theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động, cụ thể:

- Tháng 5/2019: Công ty CPXDCTAGP mới chỉ thanh toán: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Tháng 6/2019: Công ty CPXDCTAGP mới chỉ thanh toán: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Tháng 7/2019: Công ty CPXDCTAGP mới chỉ thanh toán: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Tháng 8/2019: Công ty CPXDCTAGP mới chỉ thanh toán: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

- Tháng 9/2019: Công ty CPXDCTAGP mới chỉ thanh toán: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Như vậy tổng số tiền lương mà Công ty CPXDCTAGP còn nợ từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2019 ông T là: 29.000.000 đồng.

Qua tìm hiểu ông T được biết, việc Công ty CPXDCTAGP đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T theo Quyết định số 111/2019/QĐ-AGP ngày 12/9/2019 mà

chỉ báo trước cho ông T 03 (ba) ngày là vi phạm quy tại điểm b khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động 2012: *"Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn"*.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông T đã nộp đơn đề nghị hòa giải tranh chấp lao động tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Quận 9 (cũ). Vào ngày 04/10/2019, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 9 (cũ) đã tiến hành hòa giải tranh chấp lao động giữa ông T với Công ty CPXDCTAGP – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thành.

Xét thấy việc làm của Công ty An Gia Phát đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống gia đình và bản thân nên ông T phải nộp đơn khởi kiện ra tòa án có thẩm quyền đề nghị tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu dưới đây:

1. Buộc Công ty CPXDCTAGP thanh toán cho ông T số tiền lương còn thiếu từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2019 với số tiền còn thiếu là 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

2. Buộc Công ty CPXDCTAGP thanh toán cho ông T tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền lương theo quy định tại Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ-CP, tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/9/2020 là: 1.521.612 đồng (một triệu năm trăm năm hai mươi mốt nghìn sáu trăm mười hai đồng), trong đó:

- Tiền lãi chậm thanh toán của tháng 5 là: 306.444 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của tháng 6 là: 286.800 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của tháng 7 là: 266.501 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của tháng 8 là: 344.684 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của tháng 9 là: 317.182 đồng.

3. Buộc Công ty CPXDCTAGP trả tiền lương trong những ngày ông T không được làm việc (tạm tính đến ngày 15/9/2020) cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là: 15.000.000 đồng x 12 tháng + 15.000.000 đồng x 2 tháng = 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng).

4. Buộc Công ty CPXDCTAGP bồi thường tiền lương cho những ngày không báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012 là 27 ngày tương ứng với 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty CPXDCTAGP phải trả cho ông T là: 254.021.612 đồng (hai trăm năm mươi bốn triệu không trăm hai mươi mốt ngàn sáu trăm mười hai đồng).

Ngày 08/12/2020, nguyên đơn ông Vũ Mạnh T có đơn khởi kiện (về việc sử đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện) như sau:

- Buộc Công ty CPXDCTAGP thanh toán cho ông T tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền lương, tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/11/2020 là: 1.753.278 đồng (tiền lãi chậm thanh toán của tháng 5 là: 346.386 đồng; tháng 6 là: 326.742 đồng; tháng 7 là: 306.444 đồng; tháng 8 là: 400.603 đồng; tháng 9 là: 373.102 đồng).

- Tuyên Quyết định số 111/2019/QĐ-AGP ngày 15/9/2019 của Công ty CPXDCTAGP Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho thôi việc ông Vũ Mạnh T là trái pháp luật.

- Ông T không muốn quay trở lại Công ty CPXDCTAGP làm việc do đó kính đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty CPXDCTAGP trả tiền lương trong những ngày ông T không được làm việc (tạm tính đến ngày 15/9/2020 đến ngày 01/5/2022) cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là: 15.000.000 đồng x 31 tháng 16 ngày + 15.000.000 đồng x 2 tháng = 503.000.000 đồng (năm trăm lẻ ba triệu đồng).

- Buộc Công ty CPXDCTAGP trả trợ cấp thôi việc cho ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Bộ luật Lao động 2020: 15.000.000 x ½ x 3 năm = 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc Công ty CPXDCTAGP đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho ông T tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền đối với những ngày không được làm việc (từ ngày 15/9/2019 đến ngày 01/5/2022) là: 8.500.000.000 x 31 tháng 16 ngày = 58.480.000 đồng (năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

Như vậy tổng số tiền mà Công ty CPXDCTAGP phải trả cho ông T là: 569.753.278 đồng (năm trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn hai trăm bảy mươi tám đồng).

Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng T và bà Trương Thị Thanh thống nhất trình bày:

Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

- Đối với tiền lương còn thiếu từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2019, chỉ yêu cầu số tiền còn thiếu là 21.500.000 đồng.

- Tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền lương theo quy định tại Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ-CP, tổng số tiền lãi chỉ yêu cầu tính đến ngày 30/11/2021 là 2.422.543 đồng.

- Tuyên Quyết định về việc cho thôi việc ông Vũ Mạnh T ngày 15/9/2019 của Công ty CPXDCTAGP Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh không có số (để trống), mà chỉ có ký hiệu 2019/QĐ-AGP là trái pháp luật.

Lý do, nguyên đơn đã nhận lương đến ngày 15/9/2019 nhưng trước đây khởi kiện tính nhầm là lương tháng 9 năm 2019 chưa nhận và trong đơn khởi kiện ghi nhầm số quyết định cho thôi việc là 111/2019/QĐ-AGP.

- Buộc Công ty CPXDCTAGP đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho ông T tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền đối với những ngày không được làm việc (xác định lại từ ngày 16/9/2019 đến ngày 01/5/2022) là: 8.500.000.000 x 31 tháng 16 ngày = 58.480.000 đồng (năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng). Tuy nhiên, nay phía nguyên đơn xác định tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này.

- Buộc Công ty CPXDCTAGP trả tiền lương trong những ngày ông T không được làm việc (xác định lại từ ngày 16/9/2019 đến ngày 01/5/2022) là 473.000.000 đồng cộng với bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động (15.000.000 đồng x 2 tháng = 30.000.000 đồng) là 503.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà Công ty CPXDCTAGP phải trả cho ông T là: 21.500.000 đồng + 2.422.543 đồng + 13.500.000 đồng + 22.500.000 đồng + 473.000.000 đồng + 30.000.000 đồng = 562.922.543 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty CPXDCTAGP do ông Lê Tuấn N là đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có ý kiến gì về việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm. Về nội dung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Công ty CPXDCTAGP đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho ông T tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền đối với những ngày không được làm việc. Đình chỉ giải quyết vụ án lao động vì đã hết thời khởi kiện; Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Vũ Mạnh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương. Đây là tranh chấp về lao động theo điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do nguyên đơn làm việc tại chi nhánh của bị đơn có địa chỉ thuộc thành phố Thủ Đức (Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (Tòa án nhân dân Quận 9 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2. 1]. Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương. Trong nội dung Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 1633/TB-TLVA ngày 06/11/2020 và Thông báo về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện số: 1341/TAQ9 ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9 (cũ) nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ghi "Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động". Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, các đương sự đã trình bày nội dung đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương, Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng cũng như thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thể hiện bao gồm tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương nên không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2. 2]. Về trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa:

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa nhưng một trong những đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trương Thị Thanh vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 14/12/2021. Căn cứ Điều 228, Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và nội dung Giấy ủy quyền đã được Văn Phòng Công chứng Lê Tâm: Số 1 đường Lê Quý Đôn, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai chứng thực ngày 29/9/2020 về việc nguyên đơn ủy quyền cho bà Lê Thị Hồng T hoặc bà Trương Thị Thanh là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2. 3]. Về việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lương còn thiếu, tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền lương; xác định lại quyết định về việc cho thôi việc không có số (để trống) và những ngày không được làm việc là từ ngày 16/9/2019 đến ngày 01/5/2022. Xét, việc thay đổi yêu cầu của phía nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện nêu trên.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc Công ty CPXDCTAGP đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho ông T tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền đối với những ngày không được làm việc (xác định lại từ ngày 16/9/2019 đến ngày 01/5/2022) là: 8.500.000.000 x 31 tháng 16 ngày = 58.480.000 đồng (năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng). Việc rút một phần

yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trên đã rút.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Năm 2019, Công ty CPXDCTAGP – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và ông Vũ Mạnh T có ký kết Hợp đồng lao động số HDLD7/2019 có thời hạn 03 năm kể từ ngày 02/5/2019. Nguyên đơn làm việc với chức vụ trợ lý giúp việc kiêm lái xe cho Giám đốc, tổng mức lương: 15.000.000 đồng/tháng, nơi làm việc là Công ty CPXDCTAGP – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 12 tháng 9 năm 2019, ông T nhận được Quyết định số: /2019/QĐ-AGP ngày 15/9/2019 (không ghi số) của Công ty CPXDCTAGP – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho ông T thôi việc kể từ ngày 15/9/2019, với lý do: Hiện nay Văn phòng Công ty đã chuyển vào tại công trường, nhu cầu đi lại của lãnh đạo Công ty ít nên xét thấy không cần sử dụng tài xế lái xe của Văn phòng.

Do đó, có đủ cơ sở xác định ngày 15/9/2019 là ngày mà nguyên đơn biết và cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm nên ngày 25/9/2019 nguyên đơn đã có Đơn đề nghị hòa giải tranh chấp lao động gửi Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Quận 9 (nay là Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Tính từ ngày 15/9/2019 đến ngày 30/9/2020 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện (ghi ngày 29/9/2020) tại Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh là đã quá thời hạn 01 năm.

Ngày 31/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số: 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19. Trong đó có thể hiện nội dung "Thực hiện cách ly toàn xã hội trong vòng 15 ngày kể từ 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2020 trên phạm vi toàn quốc....". Đây được xem là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không thể lường trước được. Tuy nhiên, nguyên đơn trong vụ án này không thuộc trường hợp "làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu"; "và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép"; "không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ dân sự của mình" như quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật dân sự 2015.

Lý do, thời gian thực hiện cách ly trong vòng 15 ngày kể từ 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2020 nêu trên không thuộc ngày cuối cùng của thời hạn hoặc thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn mà sau thời gian này nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện cho đến ngày 15/9/2020. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận: Sau khi bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động, nguyên đơn đã làm việc tại công ty khác cho đến nay nhưng do trình độ hiểu biết thấp nên không biết về việc khởi kiện. Ngoài ra, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nào khác hoặc bị gián đoạn khi có một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 153 Bộ luật dân sự 2015 xảy ra đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với nguyên đơn vì: Thời hiệu bắt đầu tính là từ ngày xảy ra hành vi xâm phạm cuối cùng là ngày mà bị đơn không thiện chí tham gia hòa giải ngày 04/10/2019 tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 9 (cũ) nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo Chỉ thị số: 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật dân sự 2015 là không phù hợp với trường hợp của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động 2012 về thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vì thời hiệu khởi kiện đã hết. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện là phù hợp khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về án phí sơ thẩm:

Ông Vũ Mạnh T thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty CPXDCTAGP không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 2 Điều 184; điểm e khoản 1 Điều 217; Điều 228; Điều 241; khoản 1, khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012.

Áp dụng khoản 2 Điều 153; khoản 1 Điều 156 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty CPXDCTAGP đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho ông Vũ Mạnh T tại cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền đối với những ngày không được làm việc (xác định lại từ ngày 16/9/2019 đến ngày 01/5/2022) là: 8.500.000.000 x 31 tháng 16 ngày = 58.480.000 đồng (năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

2. Đình chỉ giải quyết vụ án lao động đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Mạnh T và bị đơn là Công ty CPXDCTAGP về việc tranh chấp phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp tiền lương theo Hợp đồng lao động số HDLD7/2019 và Quyết định số: /2019/QĐ-AGP ngày 15/9/2019 (không có số) của Công ty CPXDCTAGP – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho ông T thôi việc kể từ ngày 15/9/2019.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Vũ Mạnh T thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty CPXDCTAGP không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKS TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vi Na